TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH LÂM ĐỒNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 193/2025/HC-ST
Ngày: 03 – 12 - 2025
V/v khiếu kiện quyết định hành chính, hành vi hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LÂM ĐỒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Lê Phương;

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Văn Trịnh và bà Lê Thị Hằng;

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Huyền Anh – Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên tòa: Ông Đinh Văn Lai - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 28/11/2025 và ngày 03/12/2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng (Cơ sở 1) xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 252/2024/TLST-HC ngày 18 tháng 12 năm 2024 về việc: *"Khiếu kiện quyết định hành chính, hành vi hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 85/2025/QĐXXST-HC ngày 22 tháng 4 năm 2025; Quyết định hoãn phiên tòa số 31/2025/QĐST-HC ngày 05 tháng 5 năm 2025; Quyết định tạm ngừng phiên tòa số 18/2025/QĐST-HC ngày 26 tháng 5 năm 2025; Thông báo về thời gian mở lại phiên tòa số 357/TB-TA ngày 21 tháng 7 năm 2025; Thông báo về việc thay đổi thời gian mở phiên tòa số 621/TB-TA ngày 11 tháng 8 năm 2025; Thông báo về thời gian mở lại phiên tòa số 948/TB-TA ngày 13 tháng 10 năm 2025; Thông báo về việc hoãn phiên tòa số 1049/TB-TA ngày 03 tháng 11 năm 2025 và Thông báo về việc thay đổi thời gian mở phiên tòa số 1144/TB-TA ngày 26 tháng 11 năm 2025, giữa các đương sự:

1. Người khởi kiện:

1.1. Ông Võ Xuân A, sinh năm 1972; CCCD số: 060072007383, cấp ngày 28/6/2021; (Vắng mặt)

1.2. Bà Lê Thị H, sinh năm 1971; CCCD số: 060171000732, cấp ngày 05/4/2021; (Vắng mặt)

Cùng địa chỉ: Khu phố A, phường H, thành phố P, tỉnh Bình Thuận (N là khu phố H, phường M, tỉnh Lâm Đồng).

Người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện: Ông Phan Đức T, sinh năm 1974; địa chỉ: Khu phố B, phường P, tỉnh Lâm Đồng (Hợp đồng ủy quyền công chứng ngày 24/5/2025). (Có mặt)

2. Người bị kiện: Ủy ban nhân dân thành phố P;

Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng: Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường M, tỉnh Lâm Đồng. (Vắng mặt)

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của người bị kiện: Ông Phạm Quốc B - Chức vụ: Phó Trưởng Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị (Công văn số 2440/UBND-KTHT&ĐT ngày 26/11/2025). (Có mặt)

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Trung tâm phát triển quỹ đất tỉnh Bình Thuận;

Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng: Chi nhánh Trung tâm phát triển quỹ đất số 1 - Trung tâm phát triển quỹ đất tỉnh Lâm Đồng;

Người đại diện theo ủy quyền của Giám đốc Chi nhánh số 1: Ông Phùng Lê Duy L – Chức vụ: Chuyên viên Phòng Bồi thường, giải phóng mặt bằng (Giấy ủy quyền số 35/UQ-CNPTQĐ1 ngày 15/9/2025). (Có mặt)

3.2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố P;

Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng: Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường M, tỉnh Lâm Đồng. (Vắng mặt)

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của người bị kiện: Ông Phạm Quốc B - Chức vụ: Phó Trưởng Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị (Công văn số 2440/UBND-KTHT&ĐT ngày 26/11/2025). (Có mặt)

3.3. Bà Võ Thị Bích D, sinh năm 1989; (Có mặt)

3.4. Ông Võ Trường P, sinh năm 1995; (Có mặt)

Cùng địa chỉ: Khu phố H, phường M, tỉnh Lâm Đồng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Người khởi kiện trình bày:

Ngày 23/10/2006, Ủy ban nhân dân (Viết tắt UBND) thành phố P ban hành Quyết định số 10359/QĐ-UBND về việc thu hồi diện tích 27.456,0m^2 đất của hộ bà Lê Thị H.

Ngày 02/10/2007, UBND thành phố P ban hành Quyết định số 7006/QĐ-UBND về việc điều chỉnh diện tích 27.456,0m^2 lên diện tích 40.269,0m^2 đất thu hồi của hộ bà Lê Thị H tại Quyết định số 10359/QĐ-UBND ngày 23/10/2006.

Ngày 20/12/2018, UBND thành phố P ban hành Quyết định số 9721/QĐ-UBND về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ diện tích 40.269,0m^2 đất thu hồi cho hộ ông Võ Xuân A, bà Lê Thị H với số tiền 2.513.780.400 đồng (Hai tỷ năm trăm mười ba triệu bảy trăm tám mươi nghìn bốn trăm đồng), bao gồm:

Bồi thường về đất: 2.480.570.400 đồng (Hai tỷ bốn trăm tám mươi triệu năm trăm bảy mươi nghìn bốn trăm đồng).

Bồi thường cây cối hoa màu: 33.210.000 đồng (Ba mươi ba triệu hai trăm mười nghìn đồng).

Tuy nhiên, diện tích 40.269,0m^2 đất của hộ ông Võ Xuân A, bà Lê Thị H nằm trên địa bàn phường H nhưng UBND thành phố P phê duyệt phương án bồi thường theo Quyết định số 9721/QĐ-UBND ngày 20/12/2018 lại áp giá đất tại xã T để bồi thường về đất là trái quy định của pháp luật, gây ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của hộ ông Võ Xuân A, bà Lê Thị H.

Ngoài ra, tại thời điểm phê duyệt phương án bồi thường cho hộ ông Võ Xuân A, bà Lê Thị H tại Quyết định số 9721/QĐ-UBND ngày 20/12/2018 thì giá đất cụ thể ban hành theo Quyết định số 2455/QĐ-UBND ngày 20/09/2018 của UBND tỉnh B quy định giá đất nông nghiệp cụ thể để bồi thường hỗ trợ cho người bị thu hồi đất 02 bên đường G đang có hiệu lực và theo Quyết định này thì giá đất tại phường H (Không tiếp giáp với đường) được nhân hệ số, tỉ lệ 1,31%. Nhưng UBND thành phố P không áp dụng giá đất theo quy định tại Quyết định số 2455/QĐ-UBND ngày 20/09/2018 của UBND tỉnh B nên đã làm giảm giá trị bồi thường hỗ trợ cho hộ ông Võ Xuân A, bà Lê Thị H. Cụ thể:

- Giá trị bồi thường về đất theo Quyết định số 9721/QĐ-UBND ngày 20/12/2018 là: 2.480.570.400 đồng (Hai tỷ bốn trăm tám mươi triệu năm trăm bảy mươi nghìn bốn trăm đồng).

- Giá trị bồi thường về đất theo quy định của pháp luật là: 40.269,0 m^2 x 80.000 đồng x 1,1 (Căn cứ vào điểm d khoản 3 Điều 5 Quyết định số 59/QĐ-UBND) x 1,31% (Căn cứ vào Quyết định số 2455/QĐ-UBND) = 4.642.210.320 đồng (Bốn tỷ sáu trăm bốn mươi hai triệu hai trăm mười nghìn ba trăm hai mươi đồng).

Như vậy, UBND thành phố P phê duyệt giá trị bồi thường về đất cho hộ ông Võ Xuân A, bà Lê Thị H so với giá trị bồi thường về đất theo quy pháp luật đã giảm số tiền 2.161.639.920 đồng (4.642.210.320 - 2.480.570.400).

Ngoài ra, các khoản hỗ trợ về đất nông nghiệp cũng chưa được xem xét cho hộ ông Võ Xuân A, bà Lê Thị H. Cụ thể:

- Hỗ trợ ổn định đời sống và ổn định sản xuất.

- Hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp và tạo việc làm.

Hộ ông Võ Xuân A, bà Lê Thị H không đồng ý với giá bồi thường theo Quyết định số 9721/QĐ-UBND ngày 20/12/2018 nên chưa nhận tiền bồi thường để chờ cơ quan có thẩm quyền xem xét lại giá bồi thường và các khoản hỗ trợ.

Nhưng đến nay, UBND thành phố P vẫn chưa ban hành bổ sung Quyết định về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư theo quy định của pháp luật cho hộ ông Võ Xuân A, bà Lê Thị H.

Nhận thấy, hành vi hành chính không ban hành Quyết định bổ sung Quyết định số 9721/QĐ-UBND ngày 20/12/2018 của UBND thành phố P, về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi thu hồi diện tích 40.269,0m^2 đất của hộ ông Võ Xuân A và bà Lê Thị H đã xâm phạm trực tiếp và ảnh hưởng đến quyền, lợi ích hợp pháp của hộ ông Võ Xuân A và bà Lê Thị H. Do đó, ông Võ Xuân A và bà Lê Thị H khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bình Thuận thụ lý, giải quyết.

Yêu cầu Tòa án giải quyết các vấn đề sau:

- Tuyên hành vi hành chính của UBND thành phố P không ban hành Quyết định bổ sung Quyết định số 9721/QĐ-UBND ngày 20/12/2018 về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi thu hồi diện tích 40.269,0m^2 đất của hộ ông Võ Xuân A, bà Lê Thị H là trái pháp luật.

- Buộc UBND thành phố P chấm dứt hành vi hành chính trái pháp luật nêu trên.

- Buộc UBND thành phố P thực hiện nhiệm vụ, công vụ theo đúng quy định của pháp luật ban hành Quyết định bổ sung Quyết định số 9721/QĐ-UBND ngày 20/12/2018 về việc phê duyệt kinh phí bồi thường, hỗ trợ tái định cư, dự án xây dựng công trình và sử dụng quỹ đất 02 bên đường ĐT.706B, thành phố P đối với diện tích 40.269,0m^2 đất thu hồi cho hộ ông Võ Xuân A, bà Lê Thị H.

Theo các đơn khởi kiện bổ sung ngày 15/5/2025 và ngày 31/5/2025 ông Võ Xuân A, bà Lê Thị H thay đổi, bổ sung yêu cầu khởi kiện đề nghị hủy Công văn số 567/UBND-NC ngày 24/01/2024 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố P và hủy Quyết định số 9721/QĐ-UBND ngày 20/12/2018 của UBND thành phố P về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ cho hộ ông Võ Xuân A, bà Lê Thị H, Dự án xây dựng công trình và sử dụng quỹ đất 02 bên đường ĐT.706B.

2. Người bị kiện UBND thành phố P trình bày ý kiến tại Văn bản số 2946/UBND-KT ngày 29/4/2025:

*** Về hồ sơ bồi thường:**

- Ngày 23/10/2006, UBND thành phố P ban hành Quyết định số 10359/QĐ-UBND về việc thu hồi đất của hộ gia đình bà Lê Thị H với diện tích 27.456m².

Ngày 02/10/2007, UBND thành phố P ban hành Quyết định số 7006/QĐ-UBND về việc điều chỉnh diện tích đất thu hồi từ diện tích 27.456m² diện tích 40.269m².

- Ngày 26/10/2012, bà Lê Thị H có kê khai Mẫu xác nhận hộ trực tiếp sản xuất nông nghiệp; Theo đó, UBND phường H xác nhận *"Hộ bà Lê Thị H không phải là hộ trực tiếp sản xuất nông nghiệp."*.

Ngày 28/4/2014, UBND phường H có Giấy xác nhận nguồn gốc đất số 33/GXN, cụ thể:

"1. Nguồn gốc sử dụng đất: Do ông Nguyễn Văn L1 tác động trồng cây vào đầu năm 2004. Đến ngày 26/8/2004, ông L1 chuyển nhượng lại cho bà Mai Thị Tuyết . Đến ngày 15/9/2004, bà T1 chuyển nhượng lại cho bà Lê Thị H.

Căn cứ Công văn số 414/BQLRPHPT-KT ngày 11/11/2013 về việc thống nhất nội dung rà soát các thửa đất thu hồi trên tuyến đường 706B kết luận thửa đất thu hồi số 27, tờ bản đồ số 6, diện tích 40.269m² của bà Lê Thị H thuộc tiểu khu B không chồng lấn diện tích rừng trồng do Ban Q quản lý.

Giấy tờ về quyền sử dụng đất: Không có.

2. Quyền sở hữu tài sản trên đất: Không có.

3. Các nội dung khác: Hộ bà Lê Thị H không phải hộ trực tiếp sản xuất nông nghiệp.".

- Ngày 27/5/2014, Hội đồng Bồi thường, hỗ trợ và tái định cư thành phố đã họp và có kết luận tại Biên bản số 104/HĐBTHT&TĐC-706B (HT), cụ thể: *Đất và cây cối hoa màu không đủ điều kiện bồi thường, do mua bán sang nhượng sau ngày 01/7/2004 bằng giấy tay và không phải hộ trực tiếp sản xuất nông nghiệp (Theo quy định tại khoản 3, Điều 6, Quyết định số 959/QĐ-UBND ngày 18/5/2012 của UBND tỉnh).*

- Ngày 03/02/2015, UBND thành phố P ban hành Quyết định số 210/QĐ-UBND về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ thiệt hại cho hộ ông Võ Xuân A - bà Lê Thị H với số tiền: 0 đồng.

- Ngày 19/6/2018, UBND phường H có Công văn số 274/UBND-ĐC về việc xác nhận lại hộ nông nghiệp đối với hộ bà Lê Thị H, như sau: *Tại thời điểm thu hồi hộ bà Lê Thị H là hộ trực tiếp sản xuất nông nghiệp và có nguồn thu nhập ổn định từ sản xuất nông nghiệp.*

- Ngày 28/8/2018, Hội đồng Bồi thường, hỗ trợ và tái định cư thành phố đã họp và có kết luận tại Biên bản số 66/HĐBTHT&TĐC-706B (HT), cụ thể:

"- Về đất: Diện tích 40.269m² sang nhượng sau ngày 01/7/2004: Không đủ điều kiện bồi thường đất nông nghiệp. Nhưng do UBND phường H xác nhận bà H là hộ trực tiếp sản xuất nông nghiệp, được hỗ trợ 70% (Đất nông nghiệp theo bảng giá đất của UBND tỉnh) theo quy định tại điểm a, khoản 2, Điều 29 Quyết định số 08/2015/QĐ-UBND ngày 02/3/2015 của UBND tỉnh.

- Cây cối, hoa màu trên đất đủ điều kiện bồi thường (Cân đối mật độ theo quy định).

- Không đủ điều kiện hỗ trợ theo Điều 23, Điều 24 Quyết định số 08/2015/QĐ-UBND ngày 02/3/2015 của UBND tỉnh (Vì hộ bà H không được bồi thường đất, chỉ hỗ trợ 70% đất nông nghiệp).".

Ngày 20/12/2018, UBND thành phố P ban hành Quyết định số 9721/QĐ-UBND về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ cho hộ ông Võ Xuân A - bà Lê Thị H với số tiền: 2.513.780.400 đồng.

*** Nhận định và kiến nghị:**

Vì hộ bà Lê Thị H nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất sau ngày 01/7/2004 nên không đủ điều kiện bồi thường đất nông nghiệp theo quy định tại khoản 3 Điều 6 Quyết định số 959/QĐ-UBND ngày 18/5/2012 của UBND tỉnh B.

Tuy nhiên, do UBND phường H xác nhận hộ gia đình bà H là hộ trực tiếp sản xuất nông nghiệp nên căn cứ điểm a khoản 2 Điều 29 Quyết định số 08/2015/QĐ-UBND ngày 02/3/2015 của UBND tỉnh B thì hộ gia đình bà được hỗ trợ 70% đất nông nghiệp. Mặt khác, vì hộ gia đình bà H không được bồi thường về đất, chỉ được hỗ trợ 70% đất nông nghiệp nên không đủ điều kiện được hỗ trợ theo Điều 23, Điều 24 Quyết định số 08/2015/QĐ-UBND ngày 02/3/2015 của UBND tỉnh B.

Từ những cơ sở nêu trên, UBND thành phố P nhận thấy việc UBND thành phố ban hành Quyết định số 9721/QĐ-UBND ngày 20/12/2018 về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ cho hộ ông Võ Xuân A - bà Lê Thị H với số tiền: 2.513.780.400 đồng là đảm bảo quy định của pháp luật, phù hợp với hồ sơ vụ việc, tình hình thực tế và đảm bảo quyền lợi cho người có đất bị thu hồi.

Do đó, UBND thành phố P đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Bình Thuận bác yêu cầu khởi kiện của ông Võ Xuân A, bà Lê Thị H.

Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của UBND thành phố P: Chủ tịch UBND phường M giữ nguyên ý kiến của UBND thành phố P và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, Trung tâm phát triển quỹ đất tỉnh Lâm Đồng (Trước đây là tỉnh Bình Thuận) giữ nguyên ý kiến tại Công

văn số 100/PTQĐ-QLQĐ ngày 08/3/2023 của Trung tâm phát triển quỹ đất tỉnh Bình Thuận về hồ sơ bồi thường như sau:

Ngày 23/10/2006, UBND thành phố P ban hành Quyết định thu hồi đất số 10359/QĐ-UBND (Diện tích 27.456m²). Ngày 02/10/2007, UBND thành phố P ban hành Quyết định điều chỉnh diện tích đất thu hồi số 7006/QĐ-UBND (Từ diện tích 27.456m² lên diện tích 40.269m²). Tổng diện tích thu hồi 40.269m² (thuộc thửa số 27, tờ bản đồ số 06), tại phường H.

Ngày 28/4/2014, UBND phường H họp xét nguồn gốc đất đối với hộ bà H tại Giấy xác nhận số 33/GXN như sau: *"...Do ông Nguyễn Văn L1 tác động trồng cây vào đầu năm 2004. Đến ngày 26/8/2004, ông L1 chuyển nhượng lại cho bà Mai Thị Tuyết . Đến ngày 15/9/2004, bà T1 chuyển nhượng lại cho bà Lê Thị H"*.

Về xác nhận hộ trực tiếp sản xuất nông nghiệp: Ngày 26/10/2012, UBND phường H xác nhận bà Lê Thị H không phải là hộ trực tiếp sản xuất nông nghiệp.

Ngày 27/5/2014 (Biên bản số 104/HĐBTHT&TĐC-706B (HT) ngày 27/5/2014), Hội đồng Bồi thường hỗ trợ và tái định cư thành phố P (Gọi tắt là Hội đồng Bồi thường) họp kết luận: Đất và cây cối hoa màu không đủ điều kiện bồi thường, do mua bán sang nhượng sau ngày 01/7/2004 bằng giấy tay và không phải hộ trực tiếp sản xuất nông nghiệp (Theo quy định tại khoản 3 Điều 6 Quyết định số 959/QĐ-UBND ngày 18/5/2012 của UBND tỉnh).

Ngày 03/02/2015, UBND thành phố P ban hành Quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ số 210/QĐ-UBND, số tiền: 0 đồng.

Do hồ sơ của hộ bà H được UBND thành phố P ban hành Quyết định phê duyệt số 210/QĐ-UBND ngày 03/02/2015 (Sau ngày 01/7/2014, thời điểm Luật Đất đai năm 2013 có hiệu lực thi hành). Căn cứ Công văn số 4214/UBND-ĐTQH ngày 20/11/2015 của UBND tỉnh về việc giải quyết vướng mắc trong công tác bồi thường các dự án dở dang trên địa bàn tỉnh. Căn cứ quy định nêu trên, hộ bà H được áp dụng lập lại hồ sơ bồi thường theo chính sách quy định tại Quyết định số 08/2015/QĐ-UBND ngày 02/3/2015 và số 05/2018/QĐ-UBND ngày 25/01/2018 của UBND tỉnh.

Ngày 19/6/2018, UBND phường H có Công văn số 274/UBND-ĐC về việc xác nhận lại hộ nông nghiệp đối với hộ bà Lê Thị H, như sau: Tại thời điểm thu hồi hộ bà Lê Thị H là hộ trực tiếp sản xuất nông nghiệp và có nguồn thu nhập ổn định từ sản xuất nông nghiệp.

Ngày 28/8/2018 (Biên bản số 66/HĐBTHT&TĐC-706B (HT) ngày 28/8/2018), Hội đồng Bồi thường họp kết luận lại đối với hộ H, như sau: *"...Về đất: Diện tích 40.269m² sang nhượng sau ngày 01/7/2004: Không đủ điều kiện bồi thường đất nông nghiệp. Nhưng do UBND phường H xác nhận bà H là hộ trực tiếp sản xuất nông nghiệp, được hỗ trợ 70% (Đất nông nghiệp theo bảng giá*

đất của UBND tỉnh) theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 29 Quyết định số 08/2015/QĐ-UBND ngày 02/3/2015 của UBND tỉnh. Cây cối, hoa màu trên đất đủ điều kiện bồi thường (Cân đối mật độ theo quy định).

- Không đủ điều kiện hỗ trợ theo Điều 23, Điều 24 Quyết định số 08/2015/QĐ-UBND ngày 02/3/2015 của UBND tỉnh (Vì hộ bà H không được bồi thường đất, chỉ hỗ trợ 70% đất nông nghiệp)".

Ngày 20/12/2018, UBND thành phố P ban hành Quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ số 9721/QĐ-UBND, với số tiền: 2.513.780.400 đồng.

Tóm lại, đối với diện tích 40.269m², Trung tâm đã lập đầy đủ hồ sơ bồi thường và đã được UBND thành phố P ban hành quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, với tổng số tiền: 2.513.780.400 đồng. Do đó, việc hộ bà H yêu cầu hủy Quyết định số 9721/QĐ-UBND ngày 20/12/2018 của UBND thành phố P về việc phê duyệt kinh phí bồi thường đối với diện tích 40.269m² là không có cơ sở xem xét, giải quyết.

4. Bà Võ Thị Bích D, ông Võ Trường P thống nhất với yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện.

*** Tại phiên tòa:**

- Người khởi kiện vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện bổ sung yêu cầu hủy Quyết định số 9721/QĐ-UBND ngày 20/12/2018 của UBND thành phố P về việc phê duyệt kinh phí bồi thường đối với diện tích 40.269m² và hủy Công văn số 567/UBND-NC ngày 24/01/2024 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố P. Không yêu cầu xem xét hành vi hành chính của UBND thành phố P không ban hành Quyết định bổ sung Quyết định số 9721/QĐ-UBND ngày 20/12/2018.

- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện trình bày tại phiên tòa: Giữ nguyên ý kiến như quan điểm của UBND thành phố P tại Công văn số 2946/UBND-KT ngày 29/4/2025. Về việc bổ sung yêu cầu khởi kiện bổ sung hủy Công văn số 567/UBND-NC ngày 24/01/2024 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố P và hủy Quyết định số 9721/QĐ-UBND ngày 20/12/2018 của Ủy ban nhân dân thành phố P là không có cơ sở nên đề nghị Tòa án bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện.

- Người đại diện của Trung tâm phát triển quỹ đất tỉnh Lâm Đồng trình bày: Trước đây UBND tỉnh B chưa có ngân sách để bồi thường cho bà Lê Thị H, ông Võ Xuân A. Hiện nay tiền chi trả bồi thường cho bà Lê Thị H đã có nên bà H, ông A sẽ liên hệ nhận tiền bồi thường.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng phát biểu ý kiến:

+ Về thủ tục tố tụng: Trình tự, thủ tục giải quyết vụ án được thực hiện theo đúng quy định của Luật Tố tụng hành chính. Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, những người tiến hành tố tụng; Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng đúng theo quy định của pháp luật.

+ Về nội dung: Kiểm sát viên đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Võ Xuân A, bà Lê Thị H:

- Hủy Quyết định số 9721/QĐ-UBND ngày 20/12/2018 của UBND thành phố P, về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ cho hộ ông Võ Xuân A, bà Lê Thị H dự án xây dựng công trình và sử dụng quỹ đất 02 bên đường ĐT.706B;

- Hủy Quyết định số 210/QĐ-UBND ngày 03/02/2015 của Chủ tịch UBND thành phố P về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ thiệt hại cho hộ ông Võ Anh X, bà Lê Thị H dự án xây dựng công trình và sử dụng quỹ đất 02 bên đường ĐT 706B;

- Hủy Công văn số 567/UBND-NC ngày 24/01/2024 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố P;

- Buộc UBND thành phố P nay là Chủ tịch UBND phường M thực hiện nhiệm vụ công vụ theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa và ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng, Hội đồng xét xử (HĐXX) nhận định:

[1] Về việc vắng mặt người tham gia tố tụng: Tại phiên tòa, người bị kiện Chủ tịch UBND phường M vắng mặt có văn bản đề nghị xét xử vắng mặt và cử người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp tham gia phiên tòa nên HĐXX tiến hành xét xử vắng mặt người bị kiện tại khoản 1 Điều 158 Luật Tố tụng hành chính.

[2] Về đối tượng khởi kiện và thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Theo đơn khởi kiện ban đầu về hành vi hành chính của UBND thành phố P về việc không ban hành Quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư cho hộ ông Võ Xuân A, bà Lê Thị H. Trong quá trình giải quyết vụ án, đương sự thay đổi yêu cầu khởi kiện, yêu cầu hủy Quyết định số 9721/QĐ-UBND ngày 20/12/2018 của UBND thành phố P và hủy Công văn số 567/UBND-NC ngày 24/01/2024 của Chủ tịch UBND thành phố P. Xét thấy, hành vi hành chính và quyết định hành chính của UBND thành phố P khởi kiện có nội dung điều chỉnh các hoạt động trong lĩnh vực quản lý Nhà nước về đất đai, cụ thể là việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ khi thu hồi đất là đối tượng khởi kiện vụ án hành chính. Căn cứ theo quy định tại Điều 4 Nghị quyết số 01/2025/NQ-HĐTP ngày 27/6/2025 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, Điều 3, Điều 30,

Điều 32 Luật Tố tụng hành chính, quan hệ pháp luật tranh chấp là "Khiếu kiện quyết định hành chính, hành vi hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai" và vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết sơ thẩm của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Thuận (Nay là Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng).

Việc thay đổi, bổ sung yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện không vượt quá phạm vi khởi kiện ban đầu là việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ khi thu hồi đất.

[3] Đối với Công văn số 567/UBND-NC ngày 24/01/2024 của Chủ tịch UBND thành phố P ban hành trong hoạt động quản lý hành chính Nhà nước về đất đai, có nội dung ảnh hưởng đến quyền lợi của ông Võ Xuân A và bà Lê Thị H nên được xác định là quyết định hành chính bị kiện theo quy định tại khoản 2 Điều 3 Luật Tố tụng hành chính và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Thuận (Nay là Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng) quy định tại khoản 3 Điều 32 Luật Tố tụng hành chính.

[4] Về thời hiệu khởi kiện vụ án hành chính: Ngày 20/12/2018 UBND thành phố P ban hành Quyết định số 9721/QĐ-UBND. Ngày 02/12/2019 và ngày 17/02/2020 bà Lê Thị H có Đơn khiếu nại về phương án bồi thường về đất khi Nhà nước thu hồi đất của gia đình bà gửi UBND thành phố P nhưng không được giải quyết. Ngày 17/9/2022 bà H tiếp tục làm Đơn khiếu nại Quyết định số 9721/QĐ-UBND ngày 20/12/2018 của UBND thành phố P. Ngày 27/7/2023, UBND thành phố P ban hành Kết luận thanh tra số 4231/KL-UBND giải quyết đơn khiếu nại của bà H. Đồng thời ngày 24/01/2024, Chủ tịch UBND thành phố P ban hành Công văn số 567/UBND-NC ngày 24/01/2024 về việc giải quyết đơn kiến nghị của bà Lê Thị H. Như vậy, trường hợp của ông A, bà H, UBND thành phố P đã thể hiện việc giải quyết lại khiếu nại của đương sự. Ngày 12/11/2024 Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng (Tòa án nhân dân tỉnh Bình Thuận cũ) nhận đơn khởi kiện của ông Võ Xuân A và bà Lê Thị H về hành vi hành chính của UBND thành phố P. Ông Xuân A nộp đơn khởi kiện tại Tòa án là chưa quá 01 năm nên còn thời hiệu khởi kiện theo quy định tại điểm a khoản 2 và điểm b khoản 3 Điều 116 của Luật Tố tụng hành chính.

[5] Ngày 05/11/2024, ông A, bà H gửi đơn khiếu nại đến UBND thành phố P đề nghị UBND thành phố ban hành Quyết định bổ sung phê duyệt khoản hỗ trợ đào tạo chuyển đổi nghề nghiệp tìm kiếm việc làm cho hộ bà H, bưu cục đóng dấu ngày 06/11/2024. Đến ngày 12/11/2024, ông A và bà H nộp đơn khởi kiện tại Tòa án nhân dân tỉnh Bình Thuận và được thụ lý, giải quyết. Sau đó, ông A, bà H có đơn cam kết không yêu cầu UBND thành phố P giải quyết khiếu nại và yêu cầu Tòa án giải quyết. Trong quá trình giải quyết vụ án người bị kiện thể hiện việc không giải quyết khiếu nại của người khởi kiện và tại phiên tòa, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện xác định cho đến thời điểm xét xử,

UBND thành phố P trước đây và Chủ tịch UBND phường M đều không giải quyết khiếu nại của bà H, ông A. Như vậy, vụ án vẫn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng.

[6] Từ ngày 01/7/2025 chính quyền địa phương chỉ còn hai cấp tỉnh và xã, theo quy định tại khoản 1 Điều 5 Nghị định số 151/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ thì việc thu hồi đất, phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ tái định cư thuộc thẩm quyền của Chủ tịch UBND cấp xã. Thửa đất của bà H, ông A tọa lạc tại phường H, thành phố P, tỉnh Bình Thuận (Nay là phường M, tỉnh Lâm Đồng) nên Chủ tịch UBND phường M tham gia tố tụng với tư cách là người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của người bị kiện.

[7] Xét tính hợp pháp của quyết định hành chính bị khiếu kiện:

[7.1] Vấn đề có tranh chấp trong vụ án: Quyết định số 9721/QĐ-UBND ngày 20/12/2018 chỉ hỗ trợ 70% giá đất và việc áp dụng pháp luật đất đai khi xét tính pháp lý về nguồn gốc đất của người khởi kiện. UBND thành phố P cho rằng người khởi kiện mua đất sau ngày 01/7/2004 nên khi thu hồi đất không được bồi thường về đất. Người khởi kiện cho rằng mình đủ điều kiện được bồi thường về đất.

[7.2] Về nguồn gốc đất và các vấn đề các bên đương sự đều thống nhất: Theo hồ sơ thu hồi đất, trong suốt quá trình thực hiện thủ tục thu hồi đất cho đến nay thì UBND phường H, UBND thành phố P cũng như ông Võ Xuân A, bà Lê Thị H đều xác định nguồn gốc đất: *Thửa đất số 27/40.269m^2 UBND thành phố P thu hồi của hộ bà H có nguồn gốc* ***do ông Nguyễn Văn L1 tác động trồng cây vào đầu năm 2004****. Đến ngày 26/8/2004, ông L1 chuyển nhượng lại cho bà Mai Thị Tuyết . Đến ngày 15/9/2004, bà T1 chuyển nhượng lại cho bà Lê Thị H; Đất chưa có giấy tờ quyền sử dụng đất, tỷ lệ thu hồi đất trên địa bàn của hộ bà H là 100%.* Đồng thời UBND thành phố P xác định bà H, ông A là hộ sản xuất nông nghiệp. Tại Công văn số 414 ngày 11/11/2013, Ban Q thì diện tích đất 40.269m^2 nêu trên không chồng lấn diện tích rừng trồng do Ban Q quản lý. Bà H, ông A sử dụng đất không có vi phạm về đất đai, không lấn chiếm đất. Giữa bà H, ông A với chủ đất cũ không có tranh chấp. Đây là các tình tiết rõ ràng, các đương sự đều thừa nhận và không có tranh chấp.

[7.3] Về việc bà H, ông A có đủ điều kiện bồi thường về đất. Theo khoản 1 Điều 3 Nghị định số 84/2007/NĐ-CP ngày 25/5/2007 của Chính phủ quy định như sau:

" 1. Đất sử dụng ổn định quy định tại khoản 4 Điều 50 của Luật Đất đai là đất đáp ứng một trong các tiêu chí sau đây:

a) Đất đã được sử dụng liên tục cho một mục đích chính nhất định kể từ thời điểm bắt đầu sử dụng đất vào mục đích đó đến thời điểm được cấp Giấy chứng

nhận hoặc đến thời điểm có quyết định thu hồi đất của cơ quan nhà nước có thẩm quyền đối với trường hợp chưa cấp Giấy chứng nhận;

b) Trường hợp đất đã được sử dụng liên tục quy định tại điểm a khoản này mà có sự thay đổi về người sử dụng đất và sự thay đổi đó không phát sinh tranh chấp về quyền sử dụng đất."

Ông A, bà H nhận chuyển nhượng thửa đất nên kế thừa thời điểm sử dụng đất từ chủ cũ là từ đầu năm 2004. Do đó, theo quy định trên thì phải xác định thời điểm bắt đầu sử dụng thửa đất số 27 là từ đầu năm 2004. Việc UBND thành phố P xác định thửa đất chuyển nhượng sau ngày 01/7/2004 để không công nhận quyền sử dụng đất ổn định, hợp pháp là thiếu căn cứ.

[8] Về căn cứ pháp luật, theo quy định tại khoản 2 Điều 101 Luật Đất đai 2013; Khoản 1 Điều 21 Nghị định 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2015 của Chính phủ, khoản 54 Điều 2 Nghị định 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ quy định như sau:*"1. Các trường hợp đang sử dụng đất sau đây mà chưa được cấp Giấy chứng nhận và không thuộc trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này thì người đang sử dụng đất thực hiện thủ tục đăng ký đất đai, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất lần đầu theo quy định của và quy định tại Nghị định này mà không phải làm thủ tục chuyển quyền sử dụng đất; Cơ quan tiếp nhận hồ sơ không được yêu cầu người nhận chuyển quyền sử dụng đất nộp hợp đồng, văn bản chuyển quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật:*

***a) Sử dụng đất do nhận chuyển nhượng, nhận tặng cho quyền sử dụng đất trước ngày 01 tháng 01 năm 2008;..*"**

[9] Đối chiếu các quy định trên, tính từ thời điểm người sử dụng đất đầu tiên, hộ bà Lê Thị H đã sử dụng diện tích 40.269m^2 ổn định trước ngày 01/7/2004. Bà H, ông A không vi phạm pháp luật về đất đai, đất không có tranh chấp và phù hợp với quy hoạch sử dụng đất nên phải được công nhận quyền sử dụng đất nếu không bị thu hồi đất theo khoản 2 Điều 101 Luật Đất đai năm năm 2013.

[10] Như vậy, theo phân tích nêu trên, hộ bà H đủ điều kiện được bồi thường về đất nên Quyết định số 9721/QĐ-UBND ngày 20/12/2018 của UBND thành phố P chỉ hỗ trợ 70% giá đất nông nghiệp và không hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề nghiệp, tìm kiếm việc làm khi thu hồi đất là không đúng pháp luật, làm ảnh hưởng đến quyền lợi của hộ bà Lê Thị H nên cần phải hủy bỏ. Mặt khác quyết định hành chính có liên quan đến việc thu hồi đất của hộ ông Võ Xuân A, bà Lê Thị H là Quyết định số 210/QĐ-UBND ngày 03/02/2015 của Chủ tịch UBND thành phố P về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ thiệt hại cho hộ ông Võ Anh X, bà Lê Thị H dự án xây dựng công trình và sử dụng quỹ đất 02 bên đường ĐT 706B cũng không đúng quy định, gây ảnh hưởng đến quyền lợi của hộ bà H do đó cần phải hủy quyết định này mới giải quyết toàn diện vụ án. Đề nghị

của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng tại phiên tòa là có căn cứ chấp nhận.

[11] Xét tính hợp pháp của Công văn số 567/UBND-NC ngày 24/01/2024 của Chủ tịch UBND thành phố P: Công văn số 567/UBND-NC ngày 24/01/2024 của Chủ tịch UBND thành phố P giữ nguyên Quyết định số 9721/QĐ-UBND của UBND thành phố P đã xâm phạm quyền và lợi ích hợp pháp của hộ bà Lê Thị H nên Công văn số 567 cũng xâm phạm đến quyền và lợi ích hợp pháp của hộ bà Lê Thị H và cần phải hủy bỏ.

[12] Từ những căn cứ nêu trên, xét thấy yêu cầu khởi kiện của ông Võ Xuân A và bà Lê Thị H có căn cứ để Hội đồng xét xử chấp nhận như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng tại phiên tòa.

[13] Về án phí: Do yêu cầu của người khởi kiện được chấp nhận nên người bị kiện phải chịu án phí hành chính sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 32 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ:

- Điều 3; khoản 1 Điều 30; khoản 3 Điều 32; Điều 78; Điều 79; Điều 80; điểm a khoản 2, điểm b khoản 3 Điều 116; Điều 157; Điều 158; Điều 164; điểm b, điểm c khoản 2 Điều 193; Điều 194; Điều 206 và Điều 348 Luật Tố tụng hành chính;

- Điều 42; Điều 44; Điều 50 Luật Đất đai năm 2003;

- Khoản 2 Điều 101; điểm a khoản 2 Điều 66; Điều 74; Điều 75; khoản 2 Điều 77; Điều 84; khoản 2 Điều 129 Luật Đất đai năm 2013;

- Điều 96; khoản 1 Điều 108; khoản 1 Điều 254 Luật Đất đai năm 2024;

- Khoản 1 Điều 18 Luật Khiếu nại;

- Khoản 1 Điều 3 Nghị định số 84/2007/NĐ-CP ngày 25/5/2007 của Chính phủ;

- Khoản 1 Điều 17; khoản 1 Điều 21 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2015 của Chính phủ;

- Khoản 54 Điều 2; khoản 5 Điều 4 Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ;

- Khoản 2 Điều 32 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

2. Tuyên xử:

2.1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Võ Xuân A và bà Lê Thị H:

+ Hủy Quyết định số 9721/QĐ-UBND ngày 20/12/2018 của UBND thành phố P về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ cho hộ ông Võ Xuân A, bà Lê Thị H, Dự án xây dựng công trình và sử dụng quỹ đất 02 bên đường ĐT.706B.

+ Hủy Quyết định số 210/QĐ-UBND ngày 03/02/2015 của Chủ tịch UBND thành phố P về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ thiệt hại cho hộ ông Võ Anh X, bà Lê Thị H dự án xây dựng công trình và sử dụng quỹ đất 02 bên đường ĐT 706B.

+ Hủy Công văn số 567/UBND-NC ngày 24/01/2024 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố P về việc thông tin kết quả giải quyết đơn kiến nghị của bà Lê Thị H, phường H.

+ Buộc Chủ tịch UBND phường M phải thực hiện nhiệm vụ, công vụ theo quy định của pháp luật về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ cho hộ ông Võ Xuân A, bà Lê Thị H theo nhận định của bản án.

2.2. Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu khởi kiện về hành vi hành chính của UBND thành phố P về việc không ban hành Quyết định bổ sung Quyết định số 9721/QĐ-UBND ngày 20/12/2018 phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư cho hộ ông Võ Xuân A, bà Lê Thị H.

3. Về án phí: Buộc Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường M phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí hành chính sơ thẩm. Hoàn trả cho ông Võ Xuân A và bà Lê Thị H 600.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000494 ngày 05/12/2024 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bình Thuận (Nay là cơ quan Thi hành án dân sự tỉnh Lâm Đồng).

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, các đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Lâm Đồng;
- THADS tỉnh Lâm Đồng;
- Đương sự;
- UBND tỉnh Lâm Đồng;
- Cổng TTĐT-TANDTC;
- Lưu: Hồ sơ, tổ HCTP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Lê Phương